

Bản án số: **26/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-3-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Anh

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 798/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị M, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Thổ X, Sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị M trình bày: bà và ông Thổ X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến gây gổ, cãi vã, sống thiếu tôn trọng nhau. Ông X nhiều lần say xỉn, đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, ông X vứt quần áo và đồ dùng cá nhân của bà ra khỏi nhà, bà phải về nhà mẹ để sống từ tháng 11/2022 đến nay. Hiện nay bà cảm

thấy không thể gần gũi tình cảm, vợ chồng không thể san sẻ, cảm thông cho nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X.

Quá trình chung sống, ông bà có 03 người con chung là Thị H, sinh ngày 04/7/2003; Thị Mị T, sinh ngày 28/6/2010 và Thổ S, sinh ngày 28/6/2012.

Con chung Thị H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thị Mị T và cháu Thổ S, bà không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Bà không đồng ý giao con chung cho ông X nuôi dưỡng, các con chung có nguyện vọng được sống với bà. Hiện nay, bà M làm công nhân Công ty TNHH S1; thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thổ X trình bày:* ông thống nhất với lời trình bày của bà M về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Cuộc sống chung của ông bà bình thường, do ông thường xuyên uống rượu nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Trong lúc cãi vã ông có nóng nảy, không kiềm chế được nên có đập phá đồ đạc trong nhà. Khi xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã hòa giải nhưng ông vẫn đi uống rượu nên vợ ông khó chịu. Hiện nay, ông vẫn còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông bà có 03 người con chung như bà M trình bày. Nếu bà M cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thị Mị T và cháu Thổ S, ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Con chung Thị H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Ông xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Thị M và bị đơn ông Thổ X đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131; Điều 56, 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thị M. Bà Thị M được ly hôn với anh Thổ X. Về con chung: Giao cháu Thị Mị T, sinh ngày 28/6/2010 và Thổ S, sinh ngày 28/6/2012 cho bà

Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Thổ X. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Thị M và ông Thổ X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông X là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà M có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông X, do đó xác định bà M là nguyên đơn, ông X là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Bà M cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến gây gổ, cãi vã, sống thiếu tôn trọng nhau. Ông X nhiều lần say xỉn, đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, ông X vứt quần áo và đồ dùng cá nhân của bà ra khỏi nhà, bà phải về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 11/2022 đến nay. Hiện nay bà cảm thấy không thể gần gũi tình cảm, vợ chồng không thể san sẻ, cảm thông cho nhau nữa.

Ông X không đồng ý ly hôn với bà M vì lý do ông còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận ông thường xuyên uống rượu nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Trong lúc cãi vã ông có nóng nảy, không kiềm chế được nên có đập phá đồ đạc trong nhà. Khi xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã hòa giải nhưng ông vẫn đi uống rượu nên vợ ông khó chịu. Như vậy, có thể thấy ông X tuy còn thương vợ nhưng khi được hòa giải để hàn gắn tình cảm ông không thay đổi bản thân để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng mà tiếp tục uống rượu gây mâu thuẫn.

Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của bà M và ông X mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà M và ông X có 03 người con chung là Thị H1, sinh ngày 04/7/2003; Thị Mị T, sinh ngày 28/6/2010 và Thổ S, sinh ngày 28/6/2012.

Con chung Thị H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Bà M và ông X đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thị Mị T và cháu Thổ S. Xét thấy, cháu Thị Mị T và cháu Thổ S đều có nguyện vọng được sống với bà M nên giao cả hai cháu cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà M và ông X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà M và ông X1 khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị M.

1. Chấp nhận cho bà Thị M được ly hôn với ông Thổ X.
Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 22/2011, quyền số 01/2011 ngày 01/3/2011 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Con chung Thị H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Thị Mị T, sinh ngày 28/6/2010 và Thổ S, sinh ngày 28/6/2012 cho bà Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị M không yêu cầu ông Thổ X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Ông Thổ X được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Thị M.

Khi cần thiết, bà Thị M và ông Thổ X được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà Trần Thị T1 đã nộp theo biên lai thu số 0007070 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ vào án phí. Bà Trần Thị T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương